TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2017/DS-ST
Ngày: 06/9/2017

V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu
- Các Hội thẩm nhân dân: - Ông T T N
- Ông T V T
- Thư ký Tòa án - ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Luông

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cái Bè - tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 148/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2017/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Nguyễn T N, sinh năm 1954

Địa chỉ: Ấp , xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Võ V H, sinh năm 1953

Địa chỉ: Ấp , xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 5 năm 2017)

***** Bị đơn: 1. Lê T N (còn gọi là H), sinh năm 1967

2. Cao T P, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Tổ , ấp , xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà N và ông H có mặt, chị P và anh Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn bà Nguyễn T N ủy quyền cho ông Võ V H trình bày: Vợ chồng anh Lê T N (còn gọi là H) và chị Cao T P có làm chủ thảo hưởng huê hồng, trong đó bà N có tham gia trong một dây hụi mở ngày 25/3/2013 (âm lịch), có 16 hụi viên, hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng mở 01 kỳ, đến ngày 25/3/2017 thì mãn hụi, bà N là người hốt cuối cùng với số tiền là 75.000.000 đồng nhưng anh N và chị P không có giao tiền cho chị mặc dù chị có đòi nhiều lần. Nay bà N yêu cầu anh N và chị P phải trả một lần số tiền là 75.000.000 đồng.

* Bị đơn anh Lê T N và chị Cao T P không có mặt cũng như không có văn bản thể hiện ý chí đối với yêu cầu của chị N, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bà N và ông H trình bày và có yêu cầu chị P và anh N trả số tiền 70.000.000 đồng là số tiền thực tế chị P phải giao cho bà N khi bà kêu hốt ở kỳ khui thứ 15 của dây hụi (thêm một kỳ hốt nữa thì mãn hụi, tức ở kỳ khui thứ 16).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Theo bà Nguyễn T N ủy quyền cho ông Võ V H trình bày anh Lê T N và chị Cao T P có làm chủ thảo dây hụi mở vào ngày 25/3/2013 (âm lịch), trong đó có bà N tham gia, kêu hốt vào lần khui thứ 15 mà anh N và chị P không giao tiền hụi cho bà nên khởi kiện. Bà N có cung cấp danh sach lập tổ hùn vốn ngày 25/3/2013 có tên 16 người trong đó có bà N, đồng thời có những người tham gia trong tổ này có ký tên xác nhận anh N và chị P làm chủ thảo. Đối với anh N và chị P thì có biết được việc bà N khởi kiện đòi lại số tiền trên qua các lần thông báo và tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ của Tòa án nhưng anh chị không có mặt cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu đòi tiền của nguyên đơn, qua đó cho thấy anh N và chị P không phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào số tiền bà N yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là 70.000.000 đồng đúng số tiền ở lần khui thứ 15 mà bà N kêu hốt được mà chị P phải có nghĩa vụ giao thì là phù hợp; từ cơ sở đó cho thấy yêu cầu khởi kiện của bà N là có cơ sở được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Anh N và chị P được triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh N và chị P, đồng thời phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 471, 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T N ủy quyền cho ông Võ V H.

Anh L T N (còn gọi là H) và chị Cao T P có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền là 70.000.000 đồng.

* Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N và chị P chậm thi hành số tiền thì phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước qui định trên số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: - Anh Lê T N và chị Cao T P chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm,

- Hoàn lại cho bà N số tiền 1.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06733 ngày 24/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh N và chị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xét xử phúc thẩm

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Giàu

***** Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG
- VKSND huyện Cái Bè
- Chi cục THA d/s huyện Cái Bè
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.